

THÀNH PHẦN HỒ SƠ CẤP PHÉP MỎ ...LẦN... CẦN.....

STT	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
1	Giấy phép khai thác khoáng sản	X
2	Tờ trình đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	X
3	Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	X
4	Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản	X
5	Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản	X
6	Dự án đầu tư khai thác khoáng sản	X
7	Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Đối với trường hợp cấp trước năm 2014</i>)	X
8	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (<i>Đối với trường hợp cấp sau năm 2014</i>)	
9	Quyết định phê duyệt của chủ đầu tư	X
10	Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo Quyết định phê duyệt	X
11	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	X
12	Văn bản xác nhận vốn chủ sở hữu	K ⁹ y/c
13	Biên bản kiểm tra	X
14	Văn bản xin ý kiến (Nếu có)	X

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: 04 /GP-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 01 năm 2011

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
Mỏ đá vôi Lân Cần, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản, Nghị định số 07/2009/NĐ-CP ngày 22/01/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 14/6/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi Lân Cần, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000211, chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 7 năm 2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn cấp cho Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T;

Căn cứ Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 24/11/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án "Đầu tư khai thác và chế biến đá vôi làm VLXDTT mỏ đá vôi Lân Cần, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn";

Căn cứ văn bản số 1771/VP-KTN ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn, văn bản số 14/UBND-TNMT ngày 14/01/2010 của UBND huyện Hữu Lũng;

Xét Đơn và hồ sơ xin cấp phép giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá vôi Lân Cần xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng của Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T nộp ngày 22/12/2010;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 18/TTr-TNMT ngày 21 tháng 01 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T được phép khai thác khoáng sản tại mỏ đá vôi Lân Cần, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích khu vực khai thác là: 35 ha được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4 có tọa độ xác định trên nền bản đồ địa hình hệ tọa độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trực $107^{\circ} 15'$ mũi chiếu 3° đồ kèm theo.

- Trữ lượng mỏ: $10.686.828 \text{ m}^3$
- Công suất khai thác: $218.000 \text{ m}^3/\text{năm}$
- Thời hạn khai thác: 30 năm (từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2041).
- Loại khoáng sản : Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

Điều 2. Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T có trách nhiệm:

1. Nộp Lệ phí giấy phép khai thác khoáng sản 40.000.000 đồng theo quy định của Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.

2. Hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản và pháp luật liên quan.

3. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ kết quả khai thác, có phát hiện mới về khoáng sản khác phải thông báo ngay cho Phòng Tài nguyên khoáng sản và Địa chất của Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.

4. Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, có biện pháp đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường khu vực. Bảo vệ đường giao thông khu vực khai thác và vùng phụ cận liên quan, bảo vệ nguồn nước sinh hoạt và sản xuất cho nhân dân.

5. Thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 24/11/2010.

6. Thực hiện đóng cửa mỏ, ký quỹ phục hồi môi trường, phục hồi môi trường và đất đai sau khai thác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép này chỉ được phép tiến hành sau khi Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T nộp thiết kế mỏ, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác cho Sở Tài nguyên và Môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, hợp đồng thuê đất và đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

Điều 4. Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hữu Lũng, Chủ tịch UBND xã Minh Tiến và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Noi nhận: 15

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- Các Sở: TN&MT (02 bản), XD, CT;
- CVP, DN, TH;
- Lưu: VT, (OH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Vinh Quang

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký Nhà nước
tại Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn .

Số đăng ký : 01/2011. ĐK/KT.

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 01 năm 2011

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hồ Công Khanh

Lạng Sơn, ngày 14 tháng 6 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản Mỏ đá vôi Lân Cần,
xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy định về trình tự thủ tục trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT tại Công văn số 06/2010/PT ngày 24/5/2010 về việc trình thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá Lân Cần;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 148/TTr-TNMT ngày 10 tháng 6 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt trữ lượng và phân cấp trữ lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lân Cần theo báo cáo thăm dò của Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT với nội dung sau:

a) Phê duyệt trữ lượng khoáng sản Mỏ đá vôi Lân Cần, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn do Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT thực hiện theo giấy phép thăm dò khoáng sản số 388/GP-UBND ngày 17/3/2010 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp.

b) Loại khoáng sản thăm dò: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

c) Tổng trữ lượng khoáng sản đã thăm dò được là 20.963.144 m³

Trong đó phân cấp trữ lượng:

+ Trữ lượng cấp 121 là: 10.686.828 m³

+ Trữ lượng cấp 122 là: 10.276.316 m³

d) Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT có trách nhiệm nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản theo Quyết định số 27/2005/QĐ-BTC ngày 13/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản tại Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.

Điều 2. Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá vôi Lân Cần là tài liệu địa chất của Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT được quản lý và khai thác sử dụng theo quy định nhằm bảo vệ, khai thác, sử dụng triệt để có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, nếu sau 06 tháng kể từ ngày báo cáo thăm dò này được phê duyệt Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT không có hồ sơ xin khai thác mỏ đá Lân Cần thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền cung cấp thông tin của báo cáo thăm dò cho các tổ chức cá nhân khác.

Điều 3. Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hữu Lũng, Chủ tịch UBND xã Minh Tiến và các Cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận: /6

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Văn Bình;
- Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Sở TN&MT (02 bản);
- Các Sở: Xây dựng, Công Thương;
- CVP, DN, TH;
- Lưu: VT, (OH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ



SỐ 14121000.211

NGÀY CẤP 22/7/2010

Số: 04 /GP-UBND

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 01 năm 2011

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
Mỏ đá vôi Lân Càn, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản, Nghị định số 07/2009/NĐ-CP ngày 22/01/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 14/6/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi Lân Càn, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000211, chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 7 năm 2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn cấp cho Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T;

Căn cứ Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 24/11/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án "Đầu tư khai thác và chế biến đá vôi làm VLXDTT mỏ đá vôi Lân Càn, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn";

Căn cứ văn bản số 1771/VP-KTN ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn, văn bản số 14/UBND-TNMT ngày 14/01/2010 của UBND huyện Hữu Lũng;

Xét Đơn và hồ sơ xin cấp phép giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá vôi Lân Càn xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng của Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T nộp ngày 22/12/2010;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 18/TTr-TNMT ngày 21 tháng 01 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T được phép khai thác khoáng sản tại mỏ đá vôi Lân Càn, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích khu vực khai thác là: 35 ha được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4 có tọa độ xác định trên nền bản đồ địa hình hệ tọa độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trục $107^{\circ} 15'$ mũi chiếu 3° đồ kèm theo.

- Trữ lượng mỏ: $10.686.828 \text{ m}^3$

- Công suất khai thác: $218.000 \text{ m}^3/\text{năm}$

- Thời hạn khai thác: 30 năm (từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2041).

- Loại khoáng sản : Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

Điều 2. Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T có trách nhiệm:

1. Nộp Lệ phí giấy phép khai thác khoáng sản 40.000.000 đồng theo quy định của Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.

2. Hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản và pháp luật liên quan.

3. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ kết quả khai thác, có phát hiện mới về khoáng sản khác phải thông báo ngay cho Phòng Tài nguyên khoáng sản và Địa chất của Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.

4. Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, có biện pháp đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường khu vực. Bảo vệ đường giao thông khu vực khai thác và vùng phụ cận liên quan, bảo vệ nguồn nước sinh hoạt và sản xuất cho nhân dân.

5. Thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 24/11/2010.

6. Thực hiện đóng cửa mỏ, ký quỹ phục hồi môi trường, phục hồi môi trường và đất đai sau khai thác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép này chỉ được phép tiến hành sau khi Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T nộp thiết kế mỏ, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác cho Sở Tài nguyên và Môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, hợp đồng thuê đất và đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

Điều 4. Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hữu Lũng, Chủ tịch UBND xã Minh Tiến và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 15

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- Các Sở: TN&MT (02 bản), XD, CT;
- CVP, DN, TH;
- Lưu: VT, (OH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



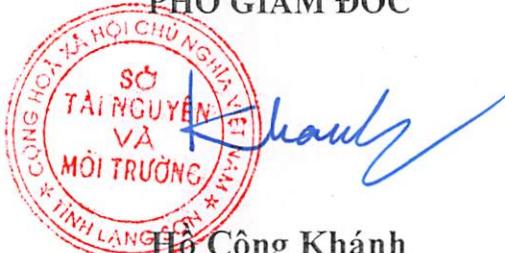
Lý Vinh Quang

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký Nhà nước
tại Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn .

Số đăng ký : 01/2011... ĐK/KT.

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 01 năm 2011

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hồ Công Khanh

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 14121000211

Chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 7 năm 2010

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20/03/1996; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/06/2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ hồ sơ dự án gửi kèm Bản đăng ký đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án của Công ty cổ phần Thiết bị và Môi trường PT nộp ngày 05/7/2010, hồ sơ nộp bổ sung ngày 19/7/2010;

Căn cứ đề nghị tại Báo cáo thẩm tra dự án số 247/BC-SKHĐT ngày 19/7/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Chứng nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ MÔI TRƯỜNG PT

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 056644 đăng ký lần đầu ngày 21/9/1999; đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 22/01/2010, do Phòng Đăng ký kinh doanh số 02, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 110-95/8 khu Đại học Thủ Đức, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

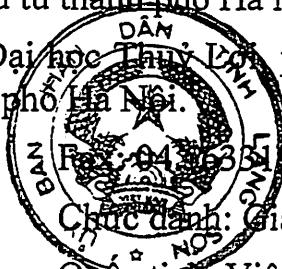
Điện thoại: 04. 5632542; 5634297

Đại diện bởi: Bà Phạm Thị Thanh Huê;

Sinh ngày: 15/11/1937; Dân tộc: Kinh;

Chức danh: Giám đốc.

Quốc tịch: Việt Nam.



Chứng minh thư nhân dân số: 010449100; Ngày cấp: 06/3/2003;
Nơi cấp: Công an Hà Nội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Số 100, đường
Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG MỎ ĐÁ LÂN CẦN, THÔN ĐỒNG HOAN, XÃ MINH TIẾN, HUYỆN HỮU LŨNG.

Điều 2. Mục tiêu và quy mô dự án:

2.1. Mục tiêu đầu tư:

- Khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đáp ứng nhu cầu xây dựng trong tỉnh và các vùng lân cận.

- Tạo việc làm và thu nhập cho người lao động. Góp phần tăng ngân sách nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương.

2.2. Quy mô dự án: đầu tư khai thác đá vôi với công suất 283.000 m³/năm đá sản phẩm.

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: mỏ đá Lân Cần, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 35,2 ha.

Điều 4. Tổng mức đầu tư: 9.888 triệu đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	2.238 triệu đồng
- Chi phí thiết bị:	5.559 triệu đồng
- Chi phí quản lý và chi phí khác:	399 triệu đồng
- Chi phí đền bù GPMB:	500 triệu đồng
- Vốn lưu động:	782 triệu đồng
- Chi phí dự phòng:	410 triệu đồng

Nguồn vốn thực hiện dự án: thực hiện bằng vốn của doanh nghiệp.

Điều 5. Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 6. Tiến độ xây dựng cơ bản mỏ: 6 tháng

Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án và trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được hưởng các ưu đãi theo Luật Đầu tư, Luật Khoáng sản, các Luật có liên quan và các quy định hỗ trợ, ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh.

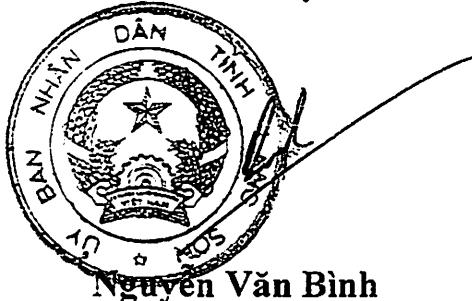
- Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường; thực hiện cam kết về sử dụng phương tiện vận chuyển có tải trọng phù hợp với tải trọng thiết kế của hệ thống đường giao thông trên địa bàn và hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng đường giao thông hàng năm với UBND huyện Hữu Lũng trước khi triển khai thực hiện dự án.

- Thực hiện tốt công tác an ninh, trật tự trong khu vực.
- Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nếu Công ty cổ phần Thiết bị và Môi trường PT không thực hiện đầu tư khai thác, chế biến UBND tỉnh sẽ ra văn bản chấm dứt dự án thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 8. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc, nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Giấy chứng nhận đầu tư được sao gửi cho các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Lao động – Thương binh và Xã hội, UBND huyện Hữu Lũng./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Số: 1861/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 24 tháng 11 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án “Đầu tư khai thác và chế biến đá vôi làm VLXDTT mỏ đá vôi Lân Cần, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 8 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với hoạt động khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án “Đầu tư khai thác và chế biến đá vôi làm VLXDTT mỏ đá vôi Lân Cần, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn” tại phiên họp thẩm định ngày 19 tháng 10 năm 2010;

Xét Tờ trình số 349/TTr-STNMT ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư khai thác và chế biến đá vôi làm VLXDTT mỏ đá vôi Lân Cần, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn” do Công ty Cổ phần thiết bị và môi trường PT làm chủ dự án (sau đây gọi là chủ dự án).



Điều 2. Phê duyệt nội dung Dự án “Cải tạo, phục hồi môi trường dự án đầu tư, khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lân Cầm, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn” do Công ty Cổ phần thiết bị và môi trường PT làm chủ dự án với một số nội dung cụ thể sau:

a) Phương án cải tạo phục hồi môi trường: tháo dỡ các công trình; san gạt tạo mặt bằng, phủ xanh khu vực khai thác, sân công nghiệp, đường giao thông nội mỏ và bãi thải đất đá.

b) Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 401.000.000 đ (*Bốn trăm linh một triệu đồng*).

- Số lần ký quỹ: 30 lần.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

- Tuân thủ đúng những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai dự án: Thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường; thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải rắn thông thường; trường hợp chất thải có yếu tố nguy hại thì phải tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại ra môi trường xung quanh; cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc hoạt động khai thác khoáng sản.

- Tiến hành quan trắc, giám sát môi trường không khí, nước thải ... theo đúng nội dung nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và gửi báo cáo kết quả quan trắc, giám sát môi trường về Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn (1 lần/năm); chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Các công trình xử lý và bảo vệ môi trường phải có thiết kế chi tiết và xây dựng các công trình này theo đúng quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng và chỉ được đưa vào sử dụng sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận.

- Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với tổng số tiền ký quỹ là 401.000.000 đ (*Bốn trăm linh một triệu đồng*), phương thức ký quỹ như sau:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu là: 61.500.000 đồng (*Sáu mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng*).

+ Số tiền ký quỹ hàng năm (từ năm thứ 2 đến năm thứ 30) là: 12.017.000 đ (*Mười hai triệu, không trăm mười bảy nghìn đồng*).

Điều 4. Chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 8 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược,

đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường và phải tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT Quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 5. Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 3 và Điều 4 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 6. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Điều 7. Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 3 của Quyết định này.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Noi nhận: 18

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (3b);
- UBND huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Minh Tiên;
- CVP, PCVP, KTN, TH;
- Chủ dự án;
- Lưu: VT, DN, (OH).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Bình



Hà Nội, ngày 6 tháng 12 năm 2010.

QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY CP THIẾT BỊ VÀ MÔI TRƯỜNG PT
về việc phê duyệt Dự án đầu tư khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu thông
thường mỏ đá Lân Càn, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến
huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100945830 đăng ký lần đầu
ngày 21 tháng 09 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 11 năm 2010.

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản
ly dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa
đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009;

Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây Dựng quy định chi
tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 03/12/2009 của UBND tỉnh về việc
phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020; Quyết
định số 664/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn Quyết định phê
duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 14/06/2010 của UBND tỉnh Lạng
Sơn phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi Lân Càn, xã Minh Tiến, huyện Hữu
Lũng, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000211, chứng nhận lần đầu ngày 22
tháng 07 năm 2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn cấp cho Công ty CP thiết bị và môi
trường PT.

Căn cứ Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2010 của UBND
tỉnh Lạng Sơn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục
hồi môi trường của dự án “Đầu tư khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng
thông thường mỏ đá vôi Lân Càn, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn”;

Căn cứ văn bản Thẩm định Thiết kế cơ sở mỏ số 36/2010/QĐ-PENEC ngày 10
tháng 08 năm 2010 của Công ty CP thiết bị và môi trường PT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây
dụng thông thường mỏ đá Lân Càn, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng,
tỉnh Lạng Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án: Dự án Đầu tư khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Lân Càn, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Chủ đầu tư: Công ty CP thiết bị và môi trường PT.

3. Tổ chức lập Dự án, tên Chủ nhiệm Dự án.

- Tổ chức lập dự án: Công ty CP thiết bị và môi trường PT

- Chủ nhiệm dự án: ông Trần Trung Dũng

4. Tổ chức lập Thiết kế cơ sở: Công ty CP thiết bị và môi trường PT.

5. Tổ chức lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Công ty CP thiết bị và môi trường PT.

6. Mục tiêu đầu tư.

- Khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đáp ứng nhu cầu xây dựng trong tỉnh và các vùng lân cận.

- Tạo việc làm và thu nhập cho người lao động. Góp phần tăng ngân sách nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương.

7. Nội dung và quy mô đầu tư.

Đầu tư khai thác đá vôi với công suất 283.000 m³/năm đá sản phẩm

7.1. Trữ lượng, công suất thiết kế, tuổi thọ mỏ.

- Trữ lượng của mỏ: Trong diện tích khu mỏ đá Lân Càn bao gồm hai khu vực với tổng diện tích thăm dò trên 35ha, tổng trữ lượng cấp 121 + 122 đạt 20.963.144 m³. Trong đó trữ lượng cấp 121 đạt 51%.

- Công suất thiết kế: Công suất của mỏ được xác định trên cơ sở đáp ứng nhu cầu 283.000 m³/năm đá sản phẩm các loại; tương đương công suất A=218.000m³/năm đá nguyên khai.

- Tuổi thọ mỏ: Trữ lượng cấp 121 là cấp trữ lượng tin cậy nhất đưa vào tính toán khai thác, còn trữ lượng cấp 122 là trữ lượng dự phòng, sau khi khai thác hết các khối 121, các khối 122 sẽ được đánh giá đưa vào khai thác tiếp. Chỉ tính riêng khối 121, so sánh với sản lượng và công suất mỏ yêu cầu, tuổi thọ mỏ đá là 50 năm.

7.2. Mở via và chuẩn bị khai trường.

- Mở via: Khối trữ lượng của Lân Càn được tính từ cốt cao thăm dò +100÷+315. Từ điều kiện địa hình, thể nằm của khoáng sản, công suất mỏ 200.000 m³ /năm đá nguyên khai/năm - đây là mỏ công suất khai thác tương đối lớn. Do vậy phương án mở mỏ cần thiết tạo đủ diện đê khai thác và đảm bảo công tác vận tải thiết bị cũng như sản phẩm sau khi khai thác, tuy nhiên để đảm bảo tính hiệu quả kinh tế, vị trí mỏ mỏ được chọn có khối lượng mỏ là nhỏ nhất, phù hợp với thông khai thác áp dụng đồng thời tận dụng triệt đê các công trình, cơ sở hạ tầng gần khu vực khai thác. Trên cơ sở đó vị trí mỏ mỏ được xác định từ phía Tây mỏ từ cos +0 ÷ +206 m.. Diện khai thác năm thứ nhất hạ xuống cos+192

- Chuẩn bị khai trường: Do đặc điểm hình mỏ đê khai thác có hiệu quả trình tự khai thác sẽ được tiến hành như sau:

- Sau khi kết thúc xây dựng cơ bản, mặt tầng công tác đầu tiên ở cốt +206m, từ đây sẽ tiến hành khai thác theo lớp xiên xúc chuyển từ trên xuống bãi xúc dưới chân tuyến mỗi tầng khâu có chiều cao h=10m.

- Năm đầu tiên tiến hành khai thác hạ mức cốt cao +192 với sản lượng khai thác đạt 100% công suất. Đá sau khi được nổ mìn làm rơi sơ bộ được xúc chuyển xuống trạm đập nghiên.

- Năm thứ 2 tiếp theo vừa khai thác, vừa mở rộng khai trường. Xem chi tiết trong các bản vẽ kết thúc khai thác sau:

Bản đồ kết thúc khai thác năm thứ 1	BV 05-LS-2010
Bản đồ kết thúc khai thác năm thứ 2	BV 06LS-2010
Bản đồ kết thúc khai thác năm thứ 30	BV 07-LS-2010
Bản đồ kết thúc khai thác	BV 08-LS-2010

7.3. Hệ thống khai thác.

Hệ thống khai thác là một giải pháp kỹ thuật tổng hợp để thực hiện các khâu công nghệ trong quá trình khai thác nhằm đảm bảo các thiết bị hoạt động có hiệu quả nhất. Đối với mỏ đá đặc trưng của hệ thống khai thác là trình tự khai các lớp đá. Hệ thống phải đảm bảo phù hợp với các đặc điểm địa hình mỏ, công suất thiết kế, điều kiện đầu tư thiết bị máy móc, thời gian cho ra sản lượng là nhỏ nhất. Hệ thống khai thác được áp dụng là hệ thống khai thác theo lớp xiên gạt chuyển kết hợp lớp bằng.

* Phương pháp khai thác khai thác theo lớp xiên gạt chuyển: Bằng máy ủi (máy gạt) ủi xuống bãi trung chuyển sau đó xúc lên ô tô vận chuyển về khu vực chế biến.

Ưu điểm của phương pháp này là có khả năng cơ giới hóa cao, đáp ứng yêu cầu khi cần tăng sản lượng, điều kiện an toàn lao động tốt nhất. Tốc độ xuống sâu của lớp xiên gạt chuyển nhanh hơn lớp bằng.

Nhược điểm : Khối lượng xúc chuyển lớn. Sau mỗi lớp khai thác bị gạt chuyển phải chuyển từ tầng thấp nhất lên tầng cao nhất ở giai đoạn đầu của mỗi lớp khai thác, khối lượng đá tiêu hao tạm thời để lấp đầy các đai bảo vệ lớn. Tổng năng suất thấp hơn lớp bằng. Khả năng cơ giới hóa cũng thấp hơn lớp bằng.

Dưới đây là các thông số của hệ thống khai thác:

- Chiều cao tầng khai thác : $h = 10m$
- Chiều rộng đai bảo vệ : $b_v = 3,5m$
- Góc nghiêng tầng kết thúc : $\alpha = 60^\circ$
- Góc nghiêng bờ khai thác : $\varphi = 58^\circ$
- Chiều rộng giải khai
- Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu $A = 11,5 m$
- Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu $B_{min} : 15m$
- Chiều dài tuyến công tác $L : 90m$

* Hệ thống khai thác lớp bằng

Hệ thống khai thác khai thác theo lớp bằng, vận tải trực tiếp bằng ô tô.

Ưu điểm của hệ thống khai thác theo lớp bằng vận tải trực tiếp là khả năng cơ giới hóa cao, đáp ứng được nhu cầu sản lượng lớn, khối lượng công tác mỏ tầng và chuẩn bị nhỏ, điều kiện làm việc an toàn và thuận lợi, tổ chức điều hành công tác trên mỏ đơn giản và tập trung. Đá được khai thác theo từng lớp từ trên xuống dưới, kế tiếp

nhau. Đá quá cỡ được nổ mìn lần 2 trước khi xúc bốc. Đá tại gương khai thác được xúc bốc và vận chuyển về trạm nghiền bằng máy xúc kết hợp với ôtô.

Nhược điểm: cần diện công tác lớn hơn lốp xiên.

Trong thời kỳ khai thác bình thường diện khai thác có thể phân tách do địa hình núi đá phức tạp, vì vậy diện khai thác của mỗi khu vực có thể không tương ứng với năng suất thực tế của một máy xúc hay một nhóm máy xúc.

7.4. Công tác khoan nổ mìn.

Ước tính nhu cầu thuốc nổ sử dụng trong năm là 66,0 tấn/năm. Công ty dự kiến mua máy khoan công nghiệp và máy khoan tay. Đảm bảo an toàn trong công tác sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, có chỉ huy nổ mìn và thủ kho mìn....

7.5. Công tác xúc bốc và vận tải trong mỏ.

Phương thức vận tải trong mỏ là vận tải bằng ôtô tự đổ trọng tải 15 tấn.

Bảng 5/8 các thông số kỹ thuật cơ bản của ôtô tự đổ

<u>Số thứ tự</u>	<u>Các thông số</u>	<u>Đơn vị</u>	<u>Giá trị</u>
1	Trọng tải xe	tấn	15
2	Dung tích thùng xe	m ³	10
3	Công suất động cơ	Kw	279
4	Tốc độ lớn nhất	km/h	103
5	Bán kính vòng nhỏ nhất	m	10
6	Khoảng cách 2 trực bánh xe	m	3,2
7	Kích thước xe: Chiều dài	mm	8.060
8	Chiều rộng	mm	2.495
9	Chiều cao	mm	3.650
10	Độ vượt dốc lớn nhất	%	39

Với khối lượng cần vận tải là 218.000 m³/ năm, sau khi tính toán số lượng ôtô cần thiết phải sử dụng là: 1 chiếc.

Phương tiện xúc đá tại khai trường sử dụng máy xúc lật công suất 1,7m³.

Hãng sản xuất : LONKING LG833 - CDM833

Xuất xứ :	China
Loại :	Bánh lốp
Công suất định mức :	92 Kw
Dung tích gầu :	1.7 (m ³)
Chiều rộng gầu :	2500 (mm)
Trọng lượng vận hành :	10300 (kg)
Độ cao xả tải :	2900 (mm)
Tầm vươn xa nhất :	1069 (mm)
Động cơ :	WEICHAI DEUTZ
Tốc độ di chuyển :	32 (km/h)

Kích thước tổng thể : 6950*2500*3120 (mm)

7.6. Thải đất đá.

Đối tượng để khai thác và chế biến chính là đá. Do vậy, công việc thải đá trong quá trình khai thác VLXD thường không có, tuy nhiên trong quá trình khai thác tùy thuộc điều kiện cụ thể của mỏ ta vẫn phải bóc đất phủ, loại bỏ đá không đủ tiêu chuẩn làm VLXD. Đó có thể coi là đất, đá thải, tuy nhiên nó vẫn có giá trị làm vật liệu san lấp cho các công trình và dân dụng. Theo tài liệu địa chất, trong diện tích tiến hành khai thác, các đá gốc lộ ra liên tục, không có sản phẩm phong hóa không dùng được trong sản xuất vật liệu nên khối lượng đất bốc trong diện tích là không có. Nếu có cũng là phần nhỏ không đáng kể - là các sản phẩm phong hóa, tàn tích ở một số khe đá, mùn thực vật. Với khối lượng không đáng kể nên khối lượng đất bốc không được tính. Nhưng trong quá trình nổ mìn và nghiền sàng gia công sản phẩm đất đá không đạt tiêu chuẩn để san lấp mặt bằng, sẽ được tập trung thu gom đổ ra bãi thải. Căn cứ địa hình khu mỏ, bãi thải được lựa chọn ở phía tây bắc sát biên giới khai trường

7.7. Tháo khô và thoát nước.

Kết quả điều tra địa chất thủy văn trong diện tích khu mỏ không thấy xuất lộ nước ngầm. Khi khai thác, đáy khai trường nằm trên mức xâm thực địa phương, nước chảy vào mỏ chủ yếu là nước mưa. Nước mưa tối đa chảy vào mỏ được xác định theo công thức sau:

$$Q = \frac{F \cdot W}{30} \text{ (m}^3\text{/ngày đêm)}$$

Trong đó: F - diện tích công trường khai thác mỏ lộ thiên 352.000m^2

W - lượng mưa trung bình của tháng cao nhất trong mùa mưa (tháng 8,9) bằng 300mm

Thay vào công thức trên ta được: $Q = 0,300 \times 352.000 / 30 = 3.520 \text{ m}^3/\text{ngày đêm.}$

Lượng nước mưa này chảy trên các rãnh bờ tầng, mặt tầng khai thác xuống nơi địa hình thấp hơn ở đầu mỏ phía đông và được tập chung vào hồ lăng rồi mới chảy theo hệ thống rãnh trên bề mặt bằng của mỏ để đổ vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Thức tế lượng nước trên mỏ nhỏ hơn nhiều so với tinh toán trên, vì trong quá trình mưa đồng thời cũng là quá trình thẩm đọng nước của dải địa hình tích tụ là cát, sét, sỏi sạn, các mảnh vụn dưới chân núi rồi mới chảy qua hồ lăng trước khi ra hệ thống thoát chung của khu vực, do đó lượng nước này còn lại không nhiều. Thực tế ở địa phương cũng thấy nhu vậy.

Có thể kết luận là đặc điểm địa chất thủy văn và địa hình khu vực ít ảnh hưởng đến quá trình khai thác và chế biến đá. Biện pháp thoát nước mỏ chủ yếu là xây dựng các hào rãnh thoát nước bao quanh khu vực sản xuất là đủ.

7.8. Cung cấp điện, nước và thông tin liên lạc.

- Cung cấp điện: Vì hiện nay gần khu vực đã có trạm điện hạ áp công suất 350kVA , nên để cung cấp điện cho các thiết bị máy khoan và chiếu sáng ban đêm

cũng như các hộ tiêu thụ khác trên mặt bằng, mỏ chỉ cần đầu tư thêm 1 trạm biến áp công suất 110 KVA .Trạm biến thế được đặt tại khu vực nghiên sàng, từ đây sẽ xây dựng đường dây 0,4kv lên khai trường cấp điện cho máy khoan và chiếu sáng bảo vệ ban đêm cũng như đến các điểm tiêu thụ điện khác trên tổng mặt bằng của mỏ.

Nguồn điện do Sở điện lực của tỉnh Lạng Sơn đảm nhiệm đưa điện đến trạm biến thế mỏ theo hợp đồng mua bán điện giữa hai bên.

- Cung cấp nước: Theo dự tính nhu cầu nước cung cho mỏ là: $16 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$.

Nguồn nước cung cấp cho mỏ dự kiến như sau:

- Sử dụng nước giếng khoan và hệ thống lọc tại chỗ.

- Cung cấp từ nguồn khác chở đến mỏ bằng xe tec (chỉ sử dụng trong trường hợp cấp cứu khi nguồn nước ngầm giếng khoan đột ngột bị gián đoạn vì lý do nào đó).

- Tận dụng tối đa nguồn nước từ hồ trung chuyển (thực chất là hồ thu nước mặt và lăng cặn - tại khu vực bãi thải) sử dụng vào mục đích vệ sinh công nghiệp (phun tưới chống bụi hoặc rửa thiết bị...).

* Với phương án sử dụng nước giếng khoan: Nước ngầm được bơm cấp I lên giàn làm thoáng tự nhiên, giàn làm thoáng là các đầu vào phun nước tạo tia nước nhỏ tăng bề mặt tiếp xúc tự nhiên với không khí, tạo các phản ứng ôxy hoá tự nhiên để kết tủa các ion Fe^{+3} sau đó nước được qua bể lọc cát nhanh để lọc bỏ các chất kết tủa và tạp chất khác. Qua bể lọc cát nhanh, nước được qua bể chảy tràn để lắng bỏ những hạt cát trôi theo và các tạp chất chưa lọc hết ở bệ lọc cát nhanh. Nước ngầm qua bể chảy tràn được đưa vào bể chứa nước sạch và bơm cấp II đưa nước đến nơi sử dụng.

- Thông tin liên lạc: Tại địa bàn xã Minh Tiến hiện nay hệ thống viễn thông bao gồm cả hệ thống điện thoại cố định và di động đều đã được phủ sóng và hoạt động tốt. Do vậy, khi đầu tư hệ thống thông tin liên lạc cho mỏ khá thuận lợi.

***Điện thoại cố định**

Dự án sẽ đầu tư xây dựng hệ thống điện thoại cố định này với mục đích thực hiện các yêu cầu về chức năng sau đây:

- Đảm bảo thông tin liên lạc trong công tác điều hành giữa ban giám đốc và phân xưởng khai thác.

- Đảm bảo thông tin liên lạc nội bộ phục vụ quản lý, vận hành và sửa chữa trong phạm vi toàn mỏ.

- Đảm bảo thông tin liên lạc chính giữa mỏ với các đơn vị, đối tác bên ngoài.

***Điện thoại di động**

Hệ thống viễn thông di động của mỏ Lân Cầm dự kiến sử dụng mạng thông tin của ngành bưu điện, thiết bị viễn thông di động được dùng để thực hiện chức năng sau:

- Đảm bảo thông tin liên lạc trong công tác điều hành giữa các cán bộ chức năng với khai trường khi máy cố định không thể sử dụng được hoặc người có nhu cầu sử dụng không ở gần điện thoại cố định.

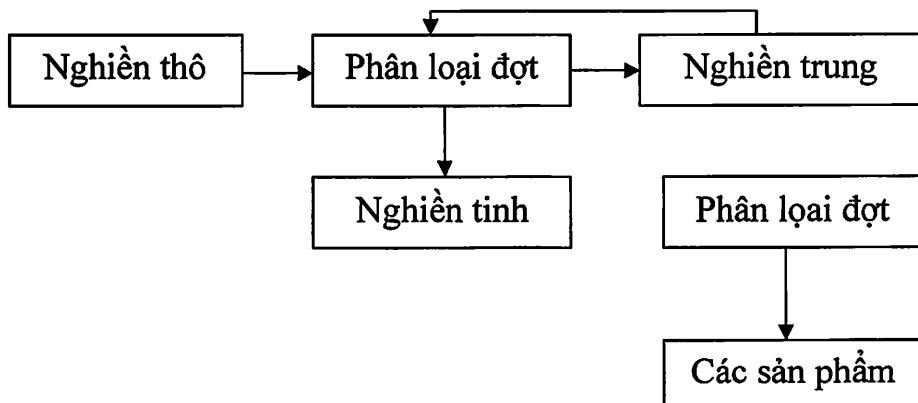
- Tại khai trường đầu tư hệ thống bộ đàm phục vụ công tác sản xuất, đặc biệt là phục vụ công tác nổ mìn đạt hiệu quả an toàn cao.

7.9. Công nghệ chế biến khoáng sản.

Công nghệ sản xuất đá vật liệu xây dựng thông thường phân chia làm hai loại như sau:

Sản xuất đá qua các công đoạn phân loại và nghiền trung gian: công nghệ này cho sản phẩm chất lượng cao khả năng điều chỉnh cỡ hạt rộng, nhưng thiết bị cồng kềnh, giá trị đầu tư lớn chi phí sản xuất cao.

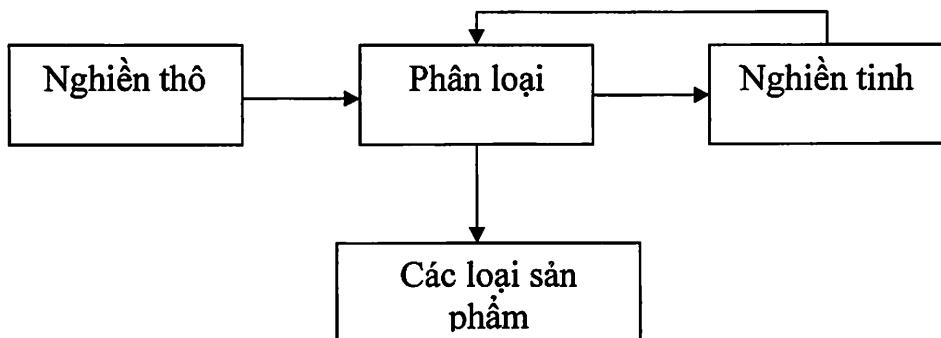
Hình 6.1 Sơ đồ công nghệ nghiền và phân loại trung gian



Công nghệ sản xuất đá không qua các công đoạn phân loại và nghiền trung gian

Công nghệ này có những ưu và nhược điểm ngược lại với công nghệ nêu trên. Tuy nhiên, đối với vật liệu xây dựng thông thường sản phẩm sản xuất ra vẫn đảm bảo yêu cầu chất lượng, mặt khác khi cần thiết có thể lắp đặt thêm thiết bị sản xuất theo công nghệ như trên (*sản xuất qua các công đoạn phân loại và nghiền trung gian*).

Hình 6.2 Sơ đồ công nghệ nghiên không qua công đoạn trung gian



Căn cứ vào chất lượng sản phẩm khả năng cạnh tranh về giá và khả năng huy động vốn của doanh nghiệp ta nên lựa chọn công nghệ nghiên sàng sản xuất không qua các công đoạn phân loại và nghiên trung gian. Sản phẩm bao gồm đá kích thước 1x2; 2x4; 4x6; 0,5x1; Vật liệu xây dựng - Dự kiến sản phẩm được sản xuất ra sẽ đáp ứng nhu cầu thị trường vật liệu xây dựng. Công suất dự án là 283.000m³/năm gồm các loại sau:

- Đá 1x2 chiếm 40% : 113.200m³/năm;
- Đá 2x4 chiếm 20% : 56.600 m³/năm;
- Đá 4x6 chiếm 10% : 28.300 m³/năm;
- Đá 0,5x1 chiếm 15% : 42.450 m³/năm;
- Đá Subbase chiếm 15% : 42.450 m³/năm;

Căn cứ vào khối lượng sản lượng, công nghệ nghiên sàng lựa chọn 1 trạm đập nghiên có công suất vừa đủ là 154 tấn/giờ nếu làm việc 2 ca/ngày.

Tuy nhiên, để đảm bảo máy hoạt động tốt, dự án chọn thiết bị công suất 185 tấn/giờ

7.10. Vận tải ngoài.

- Khu mỏ có vị trí giao thông khá thuận lợi. Mỏ nằm gần đường QL242 từ Hữu Lũng đi Đinh Cả, từ trung tâm khu mỏ theo đường nhựa tới đường Quốc lộ 1A khoảng 10km, các loại xe tải có thể dễ dàng đi lại. Do đó việc vận chuyển sản phẩm sau khi chế biến đi tiêu thụ rất tiện và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Hệ thống giao thông trong vùng đi lại đến Quốc lộ 1 rất thuận tiện, đường xá có chất lượng khá tốt. Ngoài ra còn có đường sắt nối Hà Nội, Lạng Sơn với Trung Quốc. Nhìn chung khu mỏ có giao thông khá thuận lợi, sản phẩm khai thác được có thể vận chuyển dễ dàng đến nơi tiêu thụ.

- Các hộ tiêu thụ (mua đá làm vật liệu xây dựng) sẽ tự lo phương tiện vận tải. Lao động mỏ sẽ phục vụ xuất bốc lên phương tiện vận tải của khách hàng. Thiết bị vận tải dự án lựa chọn sử dụng trong mỏ (cao nhất là ôtô tự đổ 15 tấn) phù hợp với các tuyến vận tải ngoài mỏ - hiện địa phương đang có.

Do vị trí các hộ tiêu thụ xa gần nhau nên trong phần thiết kế cơ sở khai thác và chế biến đá không tính toán chi tiết phần chi phí tiêu hao nhiên liệu hàng năm, phần chi phí này được tính toán vào khâu bán sản phẩm của dự án. Tuy nhiên dự án cũng cam kết hàng năm sẽ hỗ trợ kinh phí đóng góp để địa phương duy tu và bảo dưỡng đường xá.

7.11. Công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ trong mỏ. Tuân thủ Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính Phủ quy định về các nghĩa vụ phải tuân thủ của người sử dụng lao động đối với người lao động như sau

Hàng năm, khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phải lập kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động;

Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và thực hiện các chế độ khác về an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với người lao động theo qui định của Nhà nước;

Cử người giám sát việc thực hiện các quy định nội dung, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp phối hợp với công đoàn cơ sở xây dựng và duy trì sự hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên.

Xây dựng nội quy, quy trình an toàn lao động, vệ sinh lao động phù hợp với từng loại máy móc thiết bị, vật tư kể cả khi đổi mới công nghệ máy móc, thiết bị vật tư và nơi làm việc theo tiêu chuẩn qui định của Nhà nước.

Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các tiêu chuẩn, qui định biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo tiêu chuẩn, chế độ qui định.

Chấp hành nghiêm chỉnh qui định khai báo, điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và định kỳ sáu tháng, hàng năm báo cáo kết quả tình hình thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động với sở lao động thương binh và xã hội nơi doanh nghiệp hoạt động.

8. Địa điểm xây dựng: Mỏ đá Lân Càn – thôn Đồng Hoan – xã Minh Tiến – huyện Hữu Lũng – tỉnh Lạng Sơn.

9. Tổng diện tích sử dụng đất: 35,35777 Ha.

Trong đó:

- Diện tích khai trường: 34,365 Ha.
- Diện tích bãi thải: 4.350 Ha.
- Diện tích mặt bằng sân công nghiệp: 1,1 Ha.
- Diện tích cho các công trình khác: 4,350Ha.

10. Công tác bảo vệ môi trường.

11. Liệt kê đồng bộ thiết bị chính và hạng mục công trình xây dựng phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ.

Trang thiết bị chính phục vụ cho mỏ như sau:

- + Hệ thống nghiên sàng công suất 102-105 tấn/giờ: 01 bộ
- + Máy khoan BMK-5 đường kính 76 mm: 02 chiếc
- + máy khoan con ĐK 26 mm: 02 chiếc
- +máy nén khí 3m³/phút: 01 chiếc
- + Máy xúc đào 1,2m³: 01 chiếc
- + Máy xúc lật 1,7 m³: 01 chiếc
- + ôtô tự đổ trọng tải 15 tấn phục vụ trong mỏ: 02 chiếc
- + Máy gặt: 01 chiếc
- + Trạm biến áp 110 KVA: 01 bộ
- + Trạm cân 25 tấn: 01 bộ.

12. Tổng mức đầu tư của Dự án: 9.888 triệu đồng

Trong đó:

- Chi phí xây lắp : 2.238 triệu đồng
- Chi phí thiết bị : 5.559 triệu đồng
- Chi phí đèn bù giải phóng mặt bằng, tái định cư : 500 triệu đồng
- Chi phí quản lý và chi phí khác : 399 triệu đồng
- Chi phí dự phòng : 410 triệu đồng
- Vốn lưu động : 782 triệu đồng

13. Nguồn vốn đầu tư. Thực hiện bằng vốn doanh nghiệp vay ngân hàng.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ Dự án quản lý trực tiếp.

15. Thời gian thực hiện dự án: 50 năm.

16. Phương thức thực hiện dự án.

Mỏ đá lân Cần sẽ được đầu tư xây dựng mới với công suất đá nguyên khai là 218.000 m³/năm.

17. Trách nhiệm của Chủ đầu tư.

Chủ dự án chịu toàn bộ các công việc liên quan đến hoạt động của mỏ đá Lân Cần.

Chủ đầu tư sẽ trực tiếp quản lý dự án, đưa dự án vào sử dụng theo đúng quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản.

18. Các nội dung khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Các cơ quan liên quan,
- Lưu phòng KH, DA
- Lưu văn thư.

CÔNG TY CP THIẾT BỊ VÀ MÔI TRƯỜNG PT



GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thanh Huệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG**

Số: 14 UBND-TNMT
Về việc chấp thuận địa điểm xin
Khảo sát, thăm dò Mỏ đá vôi
làm vật liệu xây dựng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hữu Lũng, ngày 14 tháng 01 năm 2010



Kính gửi: Công ty Cổ phần thiết bị và Môi trường PT

Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn nhận được công văn số 05/2010/PT ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Công ty Cổ phần thiết bị và Môi trường PT về việc đề nghị cho phép doanh nghiệp được khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực mỏ đá vôi Lân Cần thuộc thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi kiểm tra, khảo sát sơ bộ khu vực mỏ đá vôi Lân Cần, thuộc thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến mà Công ty Cổ phần thiết bị và Môi trường PT xin khảo sát, thăm dò, Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng có ý kiến như sau:

- Chấp thuận địa điểm Công ty Cổ phần thiết bị và Môi trường PT xin khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến tại khu vực mỏ đá Lân Cần, thuộc thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.
- Trong quá trình triển khai thực hiện yêu cầu Công ty Cổ phần thiết bị và Môi trường PT phải làm các thủ tục theo quy định của Luật Khoáng sản và Luật Bảo vệ Môi trường, nếu Công ty không tuân thủ theo các quy định thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Noi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- phòng TNMT;
- UBND xã Minh Tiến;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**



Hồ Tiến Thiệu

UBND XÃ MINH TIẾN

Số: 20/CV

Vv: *Chấp thuận địa điểm đầu tư dự án khai thác mỏ đá xây dựng*

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc



Hà Nội ngày 6 tháng 1 năm 2010

Kính gửi: - Sở tài nguyên và môi trường
- UBND Huyện Hữu Lũng

- Căn cứ theo công văn số 23/2009/ PT của Công ty cổ phần thiết bị và môi trường PT về việc “Đề xuất hợp tác và đầu tư khai thác các mỏ vật liệu xây dựng” gửi UBND tỉnh Lạng Sơn. ngày 27 tháng 11 năm 2009.
- Căn cứ theo công văn số 1771/VP-KTN của UBND tỉnh Lạng Sơn ngày 21 tháng 12 năm 2009 gửi Sở tài nguyên và môi trường và Công ty cổ phần thiết bị và môi trường PT về việc *đầu tư khai thác các mỏ vật liệu xây dựng*
- Căn cứ theo công văn số 05/2010/ PT của Công ty cổ phần thiết bị và môi trường PT gửi UBND Huyện Hữu Lũng, UBND Xã Minh Tiến về việc lựa chọn địa điểm đầu tư dự án khai thác mỏ đỗ xôy dựng.
- Căn cứ theo kết quả khảo sát lựa chọn địa điểm ngày 5 tháng 1 năm 2010 giữa Công ty cổ phần thiết bị và môi trường PT với Sở tài nguyên và môi trường Lạng Sơn, UBND Huyện Hữu Lũng, UBND Xã Minh Tiến .
- Căn cứ theo khả năng của Công ty cổ phần thiết bị và môi trường PT.

UBND Xã Minh Tiến chấp thuận địa điểm xây dựng dự án Mỏ đá Lân Cân-Thôn Đồng Hoan-Xã Minh Tiến, Huyện Hữu Lũng để Công ty cổ phần thiết bị và môi trường PT được đầu tư dự án khai thác mỏ đá xây dựng.

Vậy kính mong Sở tài nguyên và môi trường, UBND Huyện Hữu Lũng chấp thuận và giải quyết.

Chúng tôi chân thành cảm ơn..

Trân trọng./.

Nơi gửi:

- Như kính gửi
- Lưu VT

TM UBND XÃ MINH TIẾN

THỦ UBND XÃ MINH TIẾN
CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC ĐỊA

Khu vực thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực
Lân Cầu, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng



Hôm nay vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 14/01/2010. Tại thực địa Lân Cầu, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng. Phòng TN&MT huyện chủ trì phối hợp với Ban chỉ huy Quân sự huyện, phòng NN&PTNT huyện, Phòng VH-TT huyện kiểm tra thực địa về các vấn đề có liên quan đến khu vực xin khảo sát, thăm dò đá vôi cho Công ty Cổ phần thiết bị và môi trường PT; Địa chỉ: 110/165 Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội.

I. THÀNH PHẦN THAM GIA GỒM CÓ:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông: Đặng Hải Quân | Trưởng phòng TN&MT huyện – Chủ trì |
| 2. Ông: Nguyễn Đức Diệp | Phó trưởng phòng NN&PTNT huyện |
| 3. Ông: Trần Bình Phong | Trưởng phòng VH-TT huyện |
| 4. Ông: Nguyễn Kim Thái | Phó chỉ huy trưởng, tham mưu trưởng BCH |
| Quân sự | |
| 5. Ông: Nguyễn Vĩnh Phú | Phó trưởng phòng TN&MT huyện - Thư ký |
| 6. Ông: Trần Trung Dũng | Giám đốc Điều hành C.Ty Cổ phần Thiết bị |
| và môi trường PT. | |

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA NHƯ SAU:

1. Vị trí: Khu vực Công ty đề nghị xin khảo sát, thăm dò khoáng sản tại Lân Cầu, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng.

2. Các vấn đề liên quan đến khu vực xin khảo sát, thăm dò:

Qua kiểm tra vị trí xin khảo sát mỏ khai thác đá nằm ngoài phạm vi phòng thủ an ninh, quốc phòng; không có các di tích lịch sử, đền chùa, miếu mạo, hang động; xa khu dân cư; không ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường, tài nguyên rừng; và không sử dụng đến đất nông nghiệp trồng lúa.

III. KẾT LUẬN:

Vị trí, địa điểm Công ty Cổ phần thiết bị và môi trường PT đủ điều kiện khảo sát, thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường. Chúng tôi

thống nhất đề nghị UBND huyện xem xét chấp thuận vị trí, địa điểm cho Công ty
được phép lập dự án đầu tư theo đúng các quy định của pháp luật.

Biên bản được lập thành 01 bản lưu hồ sơ tại phòng TN&MT huyện.

Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ cùng ngày và thông qua cho mọi thành viên
cùng nghe thống nhất ký tên.

TM. PHÒNG TN&MT
Trưởng phòng



Đặng Hải Quân

TM. BCH QUÂN SỰ
Phó chỉ huy trưởng

Nguyễn Kim Thái

Người ghi biên bản

Nguyễn Vĩnh Phú

TM. PHÒNG NN&PTNT
Phó trưởng phòng

Nguyễn Đức Địệp

Nguyễn Đức Địệp

TM. PHÒNG VH-TT
Trưởng phòng

Trần Bình Phong

Trần Bình Phong

C.TY CỔ PHẦN THIẾT
BỊ VÀ MT PT
Giám đốc

Trần Trung Dũng

UBND TỈNH LẠNG SƠN
VĂN PHÒNG

Số: 1771 /VP-KTN
V/v đầu tư dự án khai thác
mỏ đá xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 12 năm 2009

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty cổ phần thiết bị và môi trường PT.

Xét đề nghị tại Công văn số 24/2009/PT ngày 15/12/2009 của Công ty cổ phần thiết bị và môi trường PT về việc đầu tư dự án khai thác mỏ đá xây dựng, đồng chí Nguyễn Văn Bình, Phó Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan có liên quan và UBND huyện Hữu Lũng giới thiệu địa điểm, hướng dẫn công ty lập dự án theo quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo và phô tô Công văn số 24/2009/PT kèm theo để Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan có liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận: 16

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, XD;
- UBND huyện Hữu Lũng;
- CPVP, KTN;
- Lưu VT, DN, (OH).

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Hữu Chiến

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0100945830
(số cũ: 056644)

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 09 năm 1999
Đăng ký thay đổi lần 8: ngày 24 tháng 11 năm 2010

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ MÔI TRƯỜNG P.T

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

PT ENVIRONMENT & EQUIPMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Tên công ty viết tắt:

PENEC J.S.C

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 110-95/8 khu Đại học Thủy Lợi phố Chùa Bộc
phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 5632542; 5634297

Fax: 5633193

Email: trandung@hn.vnn.vn

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành
1	- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
2	- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
3	- Dịch vụ kỹ thuật trong công nghiệp và môi trường;
4	- Dịch vụ tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
5	- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
6	- Tư vấn, thiết kế tổng mặt bằng, kỹ thuật, cơ điện công trình, nội ngoại thất, công nghệ xử lý môi trường, đối với các công trình xây dựng công nghiệp, khai thác mỏ và xử lý ô nhiễm môi trường (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
7	- Buôn bán thiết bị y tế, hàng nông, thuỷ sản, thực phẩm, nguyên vật liệu khoáng sản và hoá chất (trừ loại hoá chất nhà nước cấm), hàng mây tre đan, tranh, tượng và mỹ nghệ;
8	- Tư vấn, thiết kế công trình giao thông cầu, đường bộ (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);



9	- Thí nghiệm kiểm tra chất lượng kết cấu và nền móng công trình, các chỉ tiêu kỹ thuật về vật liệu xây dựng: sắt thép, bê tông xi măng, bê tông nhựa, nhựa đường, đất, đá, cát (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
10	- Kiểm tra thử tải cầu, xác định chất chịu tải của cọc BTCT, cọc khoan nhồi;
11	- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông đường bộ, cầu cảng, sân bay, thuỷ lợi (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
12	- Nghiên cứu khoa học, sản xuất và cung cấp sản phẩm công nghiệp, thuỷ lợi, nông nghiệp, vật nuôi và cây trồng;
13	- Nghiên cứu khoa học, sản xuất và cung cấp chế phẩm và các sản phẩm sinh hoá.
14	Khai thác mỏ, sản xuất các loại đá phục vụ việc xây dựng, điêu khắc và trang trí nội, ngoại thất ở dạng thô;
15	Hoạt động chế, đập vỡ đá để làm nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và làm đường.

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật

4. Vốn điều lệ : 98.000.000.000 đồng (Chín mươi tám tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng

Tổng số cổ phần : 98.000 cổ phần

5. Số cổ phần được quyền chào bán:

6. Vốn pháp định :

7. Danh sách cổ đông sáng lập:

S T T	Tên cổ đồng	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)	Số giấy chứng minh nhân dân	Ghi chú
1	TRẦN ĐỨC SỰ	Số nhà 10, tổ 3, Cụm 1, phường Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.	Cổ phần phổ thông	7.840	7.840.00 0.000	08,0 0	010134337	
2	TRẦN THỊ MINH	Số nhà 10, tổ 3, Cụm 1, phường Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.	Cổ phần phổ thông	7.840	7.840.00 0.000	08,0 0	011870650	
3	VŨ PHƯƠNG UYÊN	Tổ 1, Cụm 14, Thị Trấn Gia Lâm, Hà Nội.	Cổ phần phổ thông	7.840	7.840.00 0.000	08,0 0	012172991	

4	PHẠM QUỐC HÙNG	P15, C8 Tập thể Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội	Cổ phần phổ thông	7.840	7.840.00 0.000	08,0 0	011864472	
5	PHẠM THỊ MINH	41SB đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Cổ phần phổ thông	11.760	11.760.00 00.000	12,0 0	012175410	
6	TRẦN TRUNG DŨNG	41SB đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Cổ phần phổ thông	25.480	25.480.00 00.000	26,0 0	012175409	
7	PHẠM THỊ THANH HUÊ	Số 100, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội.	Cổ phần phổ thông	29.400	29.400.00 00.000	30,0 0	010449100	

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: PHẠM THỊ THANH HUÊ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/11/1937 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân số: 010449100

Ngày cấp: 06/03/2003 Cơ quan cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 100, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Số 100, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội.

9. Thông tin về chi nhánh

10. Thông tin về văn phòng đại diện

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.

TRƯỞNG PHÒNG

Số chứng thực: 10220 Quyền số: SCT/BS

Ngày: 25 - 11 - 2010

Ngày: 25 - 11 - 2010 năm:



K/CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Ms. Ngọc Linh

Trần Minh Quang



Số: 18 /TT-TNMT

Lạng Sơn, ngày 24 tháng 01 năm 2011

TÒ TRÌNH

V/v cấp giấy phép khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường
mô đá vôi Lân Càn, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005:

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản, Nghị định số 07/2009/NĐ-CP ngày 22/01/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 14/6/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt trữ lượng khoáng sản mô đá vôi Lân Càn, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000211, chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 7 năm 2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn cấp cho Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T;

Căn cứ Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 24/11/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án "Đầu tư khai thác và chế biến đá vôi làm VLXDTT mô đá vôi Lân Càn, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn";

Căn cứ Văn bản số 1771/VP-KTN ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn, Văn bản số 14/UBND-TNMT ngày 14/01/2010 của UBND huyện Hữu Lũng;

Xét Đơn và hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản mô đá vôi Lân Càn xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng của Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T nộp ngày 22/12/2010,

Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh như sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T đã có đơn và hồ sơ xin khai thác mô đá vôi Lân Càn. Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin khai thác mô của Công ty, kết quả thẩm định như sau:

- Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T có địa chỉ trụ sở chính tại số 110-95/8 khu Đại học Thuỷ lợi phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100945830, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 9 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 24/11/2010 do phòng Đăng ký kinh doanh số 02 - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, trong đó có đăng ký ngành, nghề kinh doanh "Khai thác, sản xuất các loại đá....".

- Mỏ đá vôi Lân Càn, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng đã được UBND tỉnh cấp:
- + Giấy phép thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường số 388/GP-UBND ngày 17/3/2010.
- + Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 864/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2010.

+ Giấy chứng nhận đầu tư dự án khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lân Càn, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng số 14121000211 chứng nhận lần đầu ngày 22/7/2010.

+ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cai tạo, phục hồi môi trường của dự án "Đầu tư khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lân Càn, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn" số 1861/QĐ-UBND ngày 24/11/2010.

- Địa điểm Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT xin khai thác không nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản đã được Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây Dựng, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Sở Văn hóa Thể Thao và Du lịch và UBND huyện Hữu Lũng, UBND xã Minh Tiến tiến hành kiểm tra thực địa và đều nhất trí khu vực mỏ có các điều kiện thuận lợi để tiến hành khai thác (*Có biên bản kiểm tra thực địa kèm theo*).

- Phương án sử dụng khai thác đường bộ phục vụ cho dự án khai thác mỏ đá vôi Lân Càn, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, UBND huyện Hữu Lũng tiến hành kiểm tra thực địa và đều nhất trí phương án, cam kết khai thác và sửa dụng đường bộ của Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T (*Có biên bản kiểm tra thực địa kèm theo*).

Từ nội dung trên, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét và cấp giấy phép khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lân Càn cho Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường P.T với các nội dung sau:

- Địa điểm: Mỏ đá vôi Lân Càn, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.
- Diện tích khu vực xin khai thác là: 35 ha được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4 có tọa độ xác định trên nền bản đồ địa hình hệ tọa độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trực $107^{\circ} 15'$ mũi chiếu 3° đòn kèm theo.
- Trữ lượng mỏ: $10.686.828 \text{ m}^3$
- Công suất khai thác: $218.000 \text{ m}^3/\text{năm}$
- Thời hạn khai thác: 30 năm (từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2041).
- Loại khoáng sản: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

Kính trình UBND tỉnh xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- Nhu kinh gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Công ty CPTB&MT P.T;
- Lưu: VT, TNKS&DC(DN).



Hồ Công Khanh

Công ty CP Thiết bị
và môi trường PT

Số: 18 /2010/PT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 1 tháng 12 năm 2010



ĐƠN XIN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

Công ty CP Thiết bị và môi trường PT

Trụ sở tại: 110-95/8 Khu Đại học Thuỷ Lợi - Phố Chùa Bộc – Phường Trung Liệt-Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội.

Điện thoại: 04. 35147836; Fax: 04. 35147837; Số ĐKKD: 056644 do Sở kế hoạch đầu tư cấp ngày 21/9/1999; Mã số thuế: 0100945830

Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000211 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 22/7/2010

Giấy phép thăm dò số 588/GP-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ngày 17 tháng 3 năm 2010

Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản Mỏ đá vôi Lân Cần,xã Minh Tiến,huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn số 864/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2010

Quyết định số 1861/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ngày 24 tháng 11 năm 2010 phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án' đầu tư khai thác và làm VLXDTT mỏ đá vôi Lân Cần, thôn Đồng Hoan, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn”

Xin được khai thác khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Lân Cần - thôn đồng Hoan – xã Minh Tiến – huyện Hữu Lũng – tỉnh Lạng Sơn.

Diện tích : 35,2Ha trong đó:

- Khu vực khai thác khoáng sản: 35Ha.
- Đường vào mỏ: 0,2 Ha

Được giới hạn bởi các điểm khép góc 1-2-3-4 có toạ độ kèm theo

Trữ lượng khai thác: 10.686.828 m³

Quy Mô: Sản lượng : 216.000 m³/năm đá nguyên khai các loại. tương đương với 283.000 m³ sản phẩm /năm

Thời gian hoạt động là : 50 năm

Thời gian xây dựng cơ bản : 6 tháng

Công ty CP Thiết bị và môi trường PT cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

CÔNG TY CP THIẾT BỊ VÀ MÔI TRƯỜNG PT

Tài liệu gửi kèm theo:

- Giấy đăng ký kinh doanh
- Bản đồ xin phép khai thác
- Giấy thăm dò
- Phê duyệt trữ lượng
- Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
- Bổ sung phương án vận tải ngoài mỏ
- Các giấy tờ liên quan khác



GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thanh Huệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC ĐỊA

Khu vực xin thăm dò, khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi
Lân Cầm thuộc thôn Đồng Hoan xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.



Thực hiện quy trình về thẩm định hồ sơ xin cấp phép hoạt động khoáng sản, hôm nay vào hồi 9 giờ ngày 04 tháng 03 năm 2010, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND huyện Hữu Lũng, UBND xã Minh Tiến kiểm tra thực địa về các vấn đề có liên quan khu vực xin thăm dò, khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Lân Cầm thuộc thôn Đồng Hoan xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

I. Tham gia kiểm tra thực địa gồm:

1. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn:

- Ông: Phạm Anh Dũng - Phụ trách phòng TNKS - Địa chất.
- Ông: Đinh Hoàng Nguyên - Chuyên viên phòng TNKS-ĐC.

2. Đại diện Sở Xây dựng Lạng Sơn:

- Bà: Nguyễn Thị Ngọc Lan - Chuyên viên phòng kinh tế kế hoạch và vật liệu xây dựng.

3. Đại diện Ban quản lý di tích - SVHTT-DL:

- Ông: Đinh Hồng Cường - Trưởng phòng lưu trữ di tích.

4. Đại diện Bộ chỉ huy quân sự tỉnh:

- Ông: Nguyễn Kim Thái - Phó chỉ huy trưởng tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Hữu Lũng

5. Đại diện UBND huyện Hữu Lũng:

- Ông: Đàm Văn Sang - Chuyên viên phòng TN&MT.

6. Đại diện UBND xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng.

- Ông: Trần Văn Đĩnh - Chủ tịch UBND xã.

7. Đại diện Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT:

- Ông: Trần Trung Dũng - Giám đốc điều hành Công ty.

II. Kết quả kiểm tra như sau:

1. Vị trí:

- Khu vực mỏ đá vôi Lân Cầm mà Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT đề nghị cấp Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thôn Đồng Hoan xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đoàn kiểm tra đã nhận dạng địa hình khu vực, xác định tọa độ một số điểm đặc trưng bằng máy định vị vệ tinh GARMIN GPS cho thấy địa hình khu vực xin thăm dò, khai thác phù hợp với địa hình trên bản đồ khu vực thăm dò, khai thác tỷ lệ 1/10.000 trong hồ sơ (hệ VN-2000, hệ UTM) và phù hợp với bản đồ tỷ lệ 1/50.000 hệ UTM đang lưu giữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.

2. Loại khoáng sản xin thăm dò, khai thác: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường

3. Các vấn đề liên quan đến khu vực xin cấp phép:

- Không nằm trong đất quốc phòng, quy hoạch quốc phòng, không có các

công trình hang động đưa vào quy hoạch quốc phòng.

- Điểm mỏ phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế của tỉnh, thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh, không ảnh hưởng đến quy hoạch ba loại rừng đã được phê duyệt.

- Trong khu vực mỏ không có hang động, dấu tích khảo cổ học, đình chùa miếu mạo, di tích lịch sử và cách hang Minh Lệ I 3000 m về phía Đông.

4. Các vấn đề liên quan khác nếu được cấp phép thăm dò, khai thác:

- Trong quá trình thăm dò, khai thác nếu có dấu hiệu, phát hiện mới về hang động, di chỉ khảo cổ, di vật, cổ vật và loại khoáng sản khác phải dừng ngay mọi hoạt động khai thác để bảo vệ và báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Phối hợp tốt với chính quyền địa phương làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thu hút lao động địa phương.

- Nghiêm túc thực hiện theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, thiết kế mỏ sau khi đã được phê duyệt.

- Cam kết với chính quyền địa phương về sử dụng phương tiện vận chuyển có tải trọng phù hợp với tải trọng thiết kế của hệ thống đường giao thông trên địa bàn và hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng đường giao thông hàng năm.

III. Kết luận:

Địa điểm mỏ không nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản và không trùng với các khu vực đã được cấp phép trước đây, có đủ các điều kiện cho phép thăm dò, khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường. Cuộc họp thống nhất đề nghị UBND tỉnh xem xét cấp giấy phép thăm dò, khai thác mỏ đá vôi Lân Cầm cho Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT.

Biên bản được lập tại UBND xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, hoàn thành vào hồi 11 h00 giờ cùng ngày và đã được các thành viên trong đoàn kiểm tra nhất trí thông qua. Biên bản này được sao lục gửi các bên liên quan./.

Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường:

(đã ký) Phạm Anh Dũng

Đại diện Sở Xây Dựng:

(đã ký) Nguyễn Thị Ngọc Lan

Đại diện Ban quản lý di tích - SVHTT&DL:

(đã ký) Đinh Hồng Cương

Đại diện Bộ chỉ huy quân sự tỉnh:

(đã ký) Nguyễn Kim Thái

Đại diện UBND huyện Hữu Lũng:

(đã ký) Đàm Văn Sang

Đại diện UBND xã Minh Tiến:

(đã ký) Trần Văn Đĩnh

Đại diện đơn vị xin thăm dò, khai thác:

Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT:

(đã ký) Trần Trung Dũng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

SAO LỤC

Số: 09 /TNMT-SL

Lạng Sơn, ngày 9 tháng 03 năm 2010

TL. GIÁM ĐỐC

KT.CHÁNH VĂN PHÒNG

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Nơi nhận:

- Sở Xây Dựng;
- Ban quản lý di tích - SVHTT&DL;
- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh;
- Ban chỉ huy quân sự huyện Hữu Lũng;
- UBND huyện Hữu Lũng;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng;
- Công ty CP Thiết bị và Môi trường PT;
- Lưu: VT, TNKS&ĐC.



Nguyễn Thị Thu Hiền

Lạng Sơn, ngày 10 tháng 6 năm 2010

TỜ TRÌNH
V/v phê duyệt trữ lượng khoáng sản Mỏ đá vôi Lân Cần, xã Minh Tiến,
huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.



Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật khoáng sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Khoản 1 Điều 65 Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy định về trình tự thủ tục trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT tại Công văn số 06/2010/PT ngày 24/5/2010 về việc trình thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá Lân Cần,

Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh như sau:

Mỏ đá vôi Lân Cần, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn được UBND tỉnh Lạng Sơn cấp giấy phép thăm dò số 388/GP-UBND ngày 17/3/2010 cho phép Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT được tổ chức thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường làm tài liệu cơ sở để lập dự án đầu tư khai thác.

Sau khi được cấp giấy phép thăm dò công ty đã tổ chức hoạt động thăm dò theo đúng đề án được UBND tỉnh phê duyệt. Khối lượng công tác thăm dò và các công trình thăm dò theo báo cáo là đầy đủ, kết quả công tác thăm dò đều đạt được các yêu cầu đề ra.



Ngày 26/05/2010 Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được công văn số 06/2010/PT ngày 24/5/2010 của Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT trình thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi Lân Cần, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn hồ sơ tài liệu do đơn vị tư vấn là Công ty cổ phần tư vấn đầu tư phát triển xây dựng BTS thực hiện. Theo Báo cáo thăm dò và hồ sơ tài liệu kèm theo kết quả công tác thăm dò mỏ đá vôi Lân Cần đạt được:

1. Công tác Địa chất công trình - Địa chất thủy văn:

- Làm sáng tỏ đặc điểm địa chất của các thành tạo carbonat có mặt trong diện tích thăm dò, địa chất thuỷ văn và địa chất công trình mỏ diện tích 35 ha trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/1000.

- Lấy, gia công, phân tích 01 mẫu cơ lý đá, 17 mẫu hóa cơ bản, 01 mẫu nén dập trong xi lanh, 01 mẫu mài mòn trong tang quay, 17 mẫu lát mỏng đảm bảo mô tả rõ đặc điểm các loại đá có trong diện tích thăm dò.

- Khôi lƣợng công tác khảo sát lấy mẫu: Lấy, phân tích mẫu cơ lý đất, mẫu nước, thu thập tài liệu khí tượng thuỷ văn- địa chất công trình khu vực.

2. Công tác trắc địa:

- Đo vẽ lập bản đồ địa hình diện tích 35 ha, tỷ lệ 1/1000

- Thành lập lưới tọa độ hạng IV, lưới đường chuyên cấp 2, lưới độ cao kỹ thuật, đo vẽ, lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/1000 (đường đồng mức 01 m), đo vẽ mặt cắt địa hình tỷ lệ 1/2000. Chuyển công trình ra thực địa, đo vẽ công trình và đưa vào bản đồ, đo vẽ mặt cắt tuyến thăm dò.

3. Phương pháp thăm dò và lập báo cáo đã áp dụng các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành:

- Phương pháp tính toán trữ lượng, phân cấp trữ lượng được thực hiện theo quy định tại quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quyết định ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn.

- Các quy phạm và tiêu chuẩn của nhà nước trong công tác thăm dò và thí nghiệm vật liệu xây dựng.

- Tiêu chuẩn Việt Nam 1771; 1987 " Đá dăm, sỏi và sỏi dăm dùng trong xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật".

- Các quy phạm và tiêu chuẩn về công tác địa chất thuỷ văn, địa chất công trình, công tác trắc địa.

4. Kết cấu và nội dung của báo cáo phù hợp với Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ tài nguyên và Môi trường Quyết định ban hành Quy định về trình tự thủ tục trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản.

5. Công tác thăm dò đủ cơ sở dữ liệu để đánh giá thành phần thạch học, khoáng vật, đặc tính kỹ thuật, tính chất cơ lý và trữ lượng đá vôi nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng của mỏ Lân Cần. Nguyên liệu đá vôi đảm bảo chất lượng tốt để sản xuất đá dăm, đá hộc các loại phục vụ cho xây dựng dân dụng, rải đường.

6. Hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật như: Bảo vệ tài nguyên khoáng sản, môi trường, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động trong hoạt động thăm dò.

Từ những nội dung trên, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lân Cần cho Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT với nội dung sau:

a, Phê duyệt trữ lượng khoáng sản Mỏ đá vôi Lân Cần, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn do Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT thực hiện theo giấy phép thăm dò khoáng sản số 388/GP-UBND ngày 17/3/2010 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp.

b, Loại khoáng sản thăm dò: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

c, Tổng trữ lượng khoáng sản đã thăm dò được là 20.963.144 m³

Trong đó phân cấp trữ lượng:

+ Trữ lượng cấp 121 là: 10.686.828 m³

+ Trữ lượng cấp 122 là: 10.276.316 m³

d, Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá vôi Lân Cần là tài liệu địa chất của Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT được quản lý và khai thác sử dụng theo quy định nhằm bảo vệ, khai thác, sử dụng triệt để có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, nếu sau 06 tháng kể từ ngày báo cáo thăm dò này được phê duyệt Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT không có hồ sơ xin khai thác mỏ đá Lân Cần thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền cung cấp thông tin của báo cáo thăm dò cho các tổ chức cá nhân khác.

Kính trình UBND tỉnh xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Công ty CP TB&MT PT;
- Lưu VT, TNKS&DC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hồ Công Khanh



Số : 75 / TTr -TNMT

Lạng Sơn, ngày 15 tháng 3 năm 2010

TỜ TRÌNH

V/v cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lân Cần, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
cho Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT



Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Văn bản số 1771/VP-KTN ngày 21/12/2009 của Văn phòng UBND tỉnh Lạng Sơn V/v đầu tư dự án khai thác mỏ đá xây dựng;

Xét hồ sơ và đơn xin cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường số 01/2010/PT ngày 24/02/2010 của Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT,

Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh như sau:

Để có các tài liệu địa chất khoáng sản và xác định được trữ lượng khoáng sản phục vụ cho việc lập dự án đầu tư dự án khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lân Cần tại thôn Đồng Hoan xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT đã có đơn và hồ sơ xin thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Lân Cần. Ngày 26 tháng 02 năm 2010, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận, thẩm định hồ sơ xin thăm dò của Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT, kết quả thẩm định như sau:

- Đề án thăm dò mỏ đá vôi Lân Cần của Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT được đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư phát triển xây dựng BTS lập. Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư phát triển xây dựng BTS có trụ sở chính tại số 39, hẻm 210/41/11 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103026189, đăng ký lần đầu ngày 08/8/2008 do Phòng đăng ký kinh doanh số 01 Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, trong đó có đăng ký ngành, nghề kinh doanh: " Thăm dò khai thác và chế biến khoáng sản". Hồ sơ năng lực của Công ty phù hợp với điều kiện thăm dò khoáng sản.

- Kết cấu của Đề án phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nội dung của Đề án, các giải pháp tổ chức thi công thăm dò và mục tiêu thăm dò phù hợp với yêu cầu của một Đề án thăm dò mỏ khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và điều kiện thực tế khu vực.

- Địa điểm khu vực xin thăm dò không nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản và không trùng với các khu vực đã được cấp phép trước đây, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây Dựng, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Sở Văn hóa Thể Thao và Du lịch, UBND huyện Hữu Lũng và UBND xã Minh Tiến kiểm tra thực địa và đều nhất trí khu vực mỏ có đủ các điều kiện cho phép thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường (*có biên bản kiểm tra thực địa kèm theo*).

- Căn cứ Khoản 1, Điều 60 Nghị định 160/2005/NĐ-CP ngày 21/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khoáng sản thì hồ sơ xin thăm dò khoáng sản của Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT lập đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Với kết quả thẩm định trên, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét và cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lân Càn cho Công ty Cổ phần Thiết bị và Môi trường PT với các nội dung sau:

- **Địa điểm:** Mỏ đá vôi Lân Càn, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- **Diện tích khu vực thăm dò là:** 35 ha được giới hạn bởi các điểm khép góc 1, 2, 3, 4 có toạ độ xác định trên bản đồ kèm theo.

- **Loại khoáng sản thăm dò:** Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường

- **Thời hạn thăm dò:** 02 tháng (từ tháng 03/2010 đến tháng 5/2010).

- **Chi phí thăm dò:** Bằng nguồn vốn của Công ty (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

- **Phương pháp và khối lượng thăm dò:** Theo đề án thăm dò do Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư phát triển xây dựng BTS lập.

Kính trình UBND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Công ty Cổ phần TB&MT PT;
- Lưu VT, TNKS&DC.

